

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: Công ty TNHH TM DV Hưng Thịnh Vượng
- 1.2. Địa chỉ : 5/6A, Ấp 4, Xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô 2 bánh /~~Xe gắn máy 2 bánh~~/loại xe khác⁽⁴⁾:
- 1.4. Nhân hiệu: HONDA
- 1.5. Tên thương mại: SONIC 150R
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): Y3B02R17S4 M/T
- 1.7. Số giấy chứng nhận⁽²⁾: 21KXM/220700
- 1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: Số BCTN: 4337/NETC-M/21/C

2. Thông số kỹ thuật của Xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 114,2 (kg)
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 245,2 (kg)
- 2.3. Động cơ
 - 2.3.1. Kiểu động cơ : KB11E Loại động cơ: Xăng, 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng chất lỏng.
 - 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 149,16 cm³.
 - 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 11,8/9.000 kW/rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~Chế hòa khí~~/ phun nhiên liệu/~~khác~~⁽¹⁾
- 2.5. Hộp số
 - 2.5.1. Điều khiển: Cơ khí/~~Tự động~~⁽¹⁾
 - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: 6
 - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: 3,083/1,941/1,500/1,227/1,041/0,923
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 2,800
- 2.7. Lốp
 - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 70/90-17 áp suất lốp: 175 kPa
 - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 80/90-17 áp suất lốp: 200 kPa
- 2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: km/h

3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

3.1. Chu trình thử: TCVN 7357:2010/TCVN 7358:2010/TCVN 9726:2013/.⁽¹⁾

3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 2,381/100 km

4. Mẫu nhãn năng lượng công khai



5. Ghi chú (nếu có):

Hà Nội, ngày 24 tháng 05 năm 2021
Công ty TNHH TM DV HƯNG THỊNH VƯỢNG



PHÓ GIÁM ĐỐC
Võ Thị Hương

Ghi chú:

⁽¹⁾ Gạch ngang phần không áp dụng.

⁽²⁾ Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm